TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MINH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 3 năm 2025
V/v"Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Đặng Văn Tình**;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Ấn**;

2. Bà **Mua Thị Vân**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hồ Quỳnh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Ông **Mai Minh Thuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2024/TLST- HNGĐ ngày 05/11/2024 về việc "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lù Thị L, sinh năm 1984; dân tộc: Nùng; nghề nghiệp: Làm ruộng; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 28/02/2025).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C; Sinh năm: 1981; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 03/3/2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 05/11/2024, bản tự khai ngày 06/11/2024 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 28/02/2025, nguyên đơn chị Lù Thị L trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn C qua tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ 2002 tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên anh C đã đưa con là Nguyễn Thị K về sinh sống tại xã V, huyện M, tỉnh Hà Giang, chị L và con Nguyễn Thị V vẫn sống ở xã T, huyện B. Chị và anh C cũng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay chị L nhận thấy không không còn tình cảm với anh C, chị không thể tiếp tục chung sống với anh C

được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L với anh Nguyễn Văn C.

* Về con chung: Chị L xác nhận, chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 10/01/2004 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 12/04/2005. Các con chung của anh chị đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác nhận, chị và anh C không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/12/2024 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 03/3/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị Lù Thị L, cụ thể:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lù Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ 2002 tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh C đã đưa con Nguyễn Thị K về xã V, huyện M, tỉnh Hà Giang về sinh sống, còn con Nguyễn Thị V ở cùng chị L. Anh và chị L cũng ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay anh cũng nhận thấy không còn tình cảm với chị L nên anh nhất trí theo yêu cầu của chị L là đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Lù Thị L.

* Về con chung: Anh C xác nhận, anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 10/01/2004 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 12/04/2005. Các con chung của anh chị đã trưởng thành nên anh C không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C xác nhận, anh và chị L không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh ngày 08/01/2025 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện M và biên bản xác minh ngày 16/01/2025 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang đều xác nhận: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 và chị Lù Thị L, sinh năm 1984 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 10/01/2004 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 12/04/2005. Quá trình chung sống không rõ chị L và anh C có xảy ra mâu thuẫn hay không nhưng đến năm 2008, anh C đưa cháu K về thôn T, xã V, huyện M sinh sống cho đến nay, còn cháu V sống cùng với chị L tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Anh C và chị L cũng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị L và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lù Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị L, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lù Thị L và anh Nguyễn Văn C. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Lù Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lù Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn C, có nơi cư trú tại thôn T, xã V, huyện M, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang theo quy định Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án và cùng có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lù Thị L và anh Nguyễn Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị L và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Như vậy việc kết hôn của chị L, anh C đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L với anh C, anh C cũng nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lù Thị L, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị L và anh C là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Lù Thị L và anh Nguyễn Văn C xác nhận các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Lù Thị L và anh Nguyễn Văn C xác nhận không có, anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lù Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lù Thị L và anh Nguyễn Văn C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lù Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị L đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0003200 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Chị L đã nộp đủ án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Chi cục THADS H Yên Minh;
- UBND xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh;
- UBND xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đặng Văn Tình